

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **245/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 14 tháng 7 năm 2023

Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Hăng, bà Nguyễn Thị T. Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị T. Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 283/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Số X, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Danh Văn T1, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số Y, ấp T, xã NH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; trình bày của bị đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Danh Văn T1 do tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 05 tháng 12 năm 2018. Trong quá trình chung sống bà T và ông T1 có một con chung tên Danh Đăng K, sinh ngày 14/12/2018. Hiện cháu K đang sống với ông T1.

Theo bà T, khoảng tháng 8 năm 2022 thì bà T và ông T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T1 thường uống rượu, dùng lời lẽ không hay và có hành vi bạo lực. Đến đầu năm 2023, bà T và ông T1 ly thân. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T xin ly hôn. Bà T đồng ý để ông T1 tiếp tục nuôi con chung, bà xin không cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt; bà T có đơn yêu cầu không T1 hành hòa giải, nên không T1 hành hòa giải giữa các đương sự.

Về chứng cứ: Bà T giao nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, Trích lục khai sinh cháu Danh Văn K, Căn cước công dân.

Tòa án tiến hành xác minh, ghi lời khai ông Danh Văn T1. Theo Biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2023, ông T1 thống nhất trình bày của bà T về mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn và con chung. Ông T1 đồng ý ly hôn, có nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn, không yêu cầu bà Thnah cấp dưỡng; không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai (BL 01 – 02); Biên bản ghi trình bày của bà T (BL 10); Biên bản ghi lời khai bà Đỗ Thị Nhiều (BL 11); Thông báo thông tin cá nhân ông Danh Văn T1 (BL 15); trình bày của ông T1 và các tài liệu, chứng cứ khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. T1 hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T, ông T1 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; bà T và ông T1 đều muốn được ly hôn, nên đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự. Về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà T và ông T1, giao con chung cho ông T1 trực tiếp nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của ông T1 về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Danh Văn T1, đồng ý để ông T1 được trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Danh Văn T1 cư trú tại ấp T, xã NH, huyện An Phú, tỉnh An Giang, nên vụ kiện

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T và ông T1 vắng mặt và có đơn yêu cầu không tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, T1 hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T, ông T1, kết quả xác minh được biết, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà T và ông T1 là do bất đồng quan điểm sống, thường cãi vã. Bà T và ông T1 đã ly thân từ đầu năm 2023. Bà T có yêu cầu ly hôn, ông T1 cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Danh Văn T1 là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông T1 có một con chung tên Danh Đăng K, sinh ngày 14/12/2018 đang sống cùng ông T1. Ông T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu K, bà T cũng đồng ý, nên công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, giao cháu K cho ông T1 trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Công nhận sự tự nguyện của ông T1 về việc không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, ông T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Danh Văn T1.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 140 ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Danh Văn T1 và bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Danh Văn T1 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Danh Đăng K, sinh ngày 14/12/2018.

Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của ông Danh Văn T1. Ngược lại, ông T1 và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 00082183 ngày 28/02/2023. (Bà T đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và ông Danh Văn T1 là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 (7a, 7b) và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã Nhơn Hội, H An Phú (1);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu